

BÁO CÁO

Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ 09 tháng đầu năm 2026

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Những kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành

Trong kỳ báo cáo, Sở Du lịch ban hành 149 văn bản chỉ đạo, điều hành trọng tâm liên quan đến nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số¹ (KHCN, ĐMST và CDS).

- Về công tác quán triệt văn bản chỉ đạo: Tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến toàn thể đảng viên, công chức thuộc Sở. Cụ thể các văn bản truyền đạt ý kiến chỉ đạo như sau: (1) Công văn số 657-CV/VPTU ngày 21/01/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về triển khai Thông báo số 05-TB/CQTTBCĐ; (2) Công văn số 754-CV/VPTU ngày 12/02/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về thực hiện Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW của Ban chỉ đạo Nghị quyết 57 Trung ương; (3) Công văn số 868-CV/VPTU ngày 16/3/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Công văn số 939-CV/VPTW, ngày 16/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng; (4) Công văn số 889-CV/VPTU ngày 18/3/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Thông báo số 20-TB/CQTTBCĐ; (5) Công văn số 920-CV/VPTU ngày 23/3/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Thông báo số 22-TB/CQTTBCĐ; (6) Công văn số 1080-CV/VPTU ngày 15/4/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Công văn số 1734-CV/VPTW; (7) Công văn số 1255-CV/VPTU ngày 14/5/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về tham mưu báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 5 tháng đầu năm 2026; (8) Công văn số 1400-CV/VPTU ngày 06/6/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về tham mưu báo cáo và tự đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; (9) Công văn số 1485-CV/VPTU ngày 16/6/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về Thông báo số 89-TB/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng; (10) Công văn số 1553-CV/VPTU ngày 25/6/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về Quyết định số 67-QĐ/TGV của Tổ Giúp việc BCĐ Trung ương; (11) Công văn số 1669-CV/VPTU ngày 13/7/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Thông báo số 25-TB/CQTTBCĐ; (12) Công văn số 1670-CV/VPTU ngày 13/7/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Thông báo số 24-TB/CQTTBCĐ; (13) Công văn số 1792-CV/VPTU ngày 30/7/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc

¹ 94 Công văn, 30 Báo cáo, 14 Quyết định, 11 Kế hoạch.

thực hiện chế độ báo cáo Kế hoạch số 20-KH/BCĐ, ngày 17/7/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (13) Thông báo số 357-TB/VPTU ngày 23/4/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về ý kiến kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh tại Hội nghị sơ kết tình hình, kết quả quý I thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, nhiệm vụ trọng tâm quý II/2026; (14) Thông báo số 504-TB/VPTU ngày 18/6/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về ý kiến kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh tại Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; (15) Công văn số 21-CV/BCĐ ngày 20/8/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Thông báo số 24-TB/CQTTBCĐ, Thông báo số 25-TB/CQTTBCĐ; (16) Công văn số 627/UBND-KGVX ngày 25/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đăng ký nội dung thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026.

- *Về chế độ báo cáo hàng tháng:* (1) Kết quả thực hiện các chỉ số giám sát, đánh giá triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tháng 6, 7, 8/2026²; (2) Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ định kỳ hàng tháng³; (3) Rà soát, đề xuất điều chỉnh kinh phí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bổ sung trong năm 2026⁴; (4) Báo cáo kết quả chuyển đổi số trong lĩnh vực ngoại vụ, du lịch⁵; (5) Tình hình triển khai dữ liệu phục vụ họp Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh⁶; (6) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026; đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2027 trong lĩnh vực du lịch⁷; (7) Công tác an ninh, an toàn các hệ thống thông tin năm 2026⁸; (8) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 trong tháng 7 năm 2026⁹; (9) Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ xử lý điểm nghẽn về chuyển đổi số theo Công văn số 3132/UBND-KGVX của Ủy ban nhân dân tỉnh¹⁰; (10) Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ (Phục vụ công tác kiểm tra chuyển đổi số năm 2026)¹¹; (11) Tình hình giải ngân kinh phí và tiến độ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026¹².

- *Về chế độ báo cáo hàng tuần:* (1) Tình hình triển khai Kế hoạch số 230/KH-BCĐ ngày 21/8/2026 của Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh¹³. Ngoài

² Báo cáo số: 254/BC-SDL ngày 15/6/2026, 300/BC-SDL ngày 15/7/2026, 327/BC-SDL ngày 14/8/2026.

³ Báo cáo số: 34/BC-SDL ngày 22/01/2026, 109/BC-SDL ngày 13/3/2026, 174/BC-SDL ngày 14/4/2026, 213/BC-SDL ngày 14/5/2026, 255/BC-SDL ngày 15/6/2026, 301/BC-SDL ngày 15/7/2026, 325/BC-SDL ngày 14/8/2026.

⁴ Báo cáo số 302/BC-SDL ngày 16/7/2026.

⁵ Báo cáo số 107/BC-SDL ngày 12/3/2026, 166/BC-SDL ngày 10/4/2026, 167/BC-SDL ngày 10/4/2026, 203/BC-SDL ngày 11/5/2026, 248/BC-SDL ngày 12/6/2026.

⁶ Báo cáo số 221/BC-SDL ngày 22/5/2026.

⁷ Báo cáo số 290/BC-SDL ngày 05/7/2026.

⁸ Báo cáo số 308/BC-SDL ngày 23/7/2026.

⁹ Báo cáo số 310/BC-SDL ngày 27/7/2026.

¹⁰ Báo cáo số 326/BC-SDL ngày 14/8/2026.

¹¹ Báo cáo số 356/BC-SDL ngày 09/9/2026.

¹² Báo cáo số 357/BC-SDL ngày 10/9/2026.

¹³ Báo cáo số: 347/BC-SDL ngày 01/9/2026, 350/BC-SDL ngày 08/9/2026,

ra, trước 17 giờ thứ sáu hàng tuần, cập nhật, báo cáo kết quả thực hiện hàng tuần trên Hệ thống <https://theodoing.dcs.vn> về tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch hành động 100 ngày tập trung xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số theo Kế hoạch số 20-KH/BCĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy.

- *Về ban hành các kế hoạch trọng tâm trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ:* (1) Chuyển đổi số năm 2026¹⁴; (2) Nâng cao Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI)¹⁵; (3) Cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương¹⁶; (4) Triển khai Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 10/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh¹⁷; (5) Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026¹⁸; (6) Khảo sát, thu thập thông tin và ghi nhận hình ảnh, tư liệu phục vụ triển khai nhiệm vụ “Chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông quảng bá du lịch”¹⁹; (7) Thu thập, tiếp nhận, rà soát và chuẩn hóa dữ liệu phục vụ triển khai nhiệm vụ “Số hóa dữ liệu trong lĩnh vực du lịch”²⁰; (8) Triển khai Kế hoạch số 388/KH-UBND ngày 16/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh năm 2026²¹; (9) Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động 100 ngày tập trung xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Sở Du lịch²²; (10) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ²³; (11) Triển khai Kế hoạch số 425/KH-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số²⁴; (12) Triển khai Kế hoạch số 230/KH-BCĐ ngày 21/8/2026 của Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh²⁵; (13) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ giai đoạn 2026 – 2030²⁶; (14) Triển khai thực hiện Đề án đột phá ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2030²⁷.

- *Về rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch:* (1) Rà soát, đăng ký bộ dữ liệu ưu tiên và lập Phiếu mô tả dữ liệu phục vụ triển khai Kế hoạch số 300/KH-UBND²⁸; (2) Rà soát, đánh giá và hoàn thiện danh mục cơ sở dữ liệu (CSDL) theo Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW theo tinh thần Công văn số 4281/CAT-TM ngày 31/7/2026 của Công an tỉnh²⁹.

2. Về xây dựng các kế hoạch và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao

¹⁴ Kế hoạch số 09/KH-SDL ngày 23/01/2026.

¹⁵ Kế hoạch số 17/KH-SDL ngày 06/2/2026.

¹⁶ Kế hoạch số 28/KH-SDL ngày 16/3/2026.

¹⁷ Kế hoạch số 63/KH-SDL ngày 17/6/2026.

¹⁸ Kế hoạch số 38/KH-SDL ngày 01/4/2026.

¹⁹ Kế hoạch số 77/KH-SDL ngày 16/7/2026.

²⁰ Kế hoạch số 78/KH-SDL ngày 16/7/2026.

²¹ Kế hoạch số 83/KH-SDL ngày 27/7/2026.

²² Kế hoạch số 86/KH-SDL ngày 31/7/2026.

²³ Kế hoạch số 87/KH-SDL ngày 31/7/2026.

²⁴ Kế hoạch số 100/KH-SDL ngày 28/7/2026.

²⁵ Kế hoạch số 102/KH-SDL ngày 28/8/2026.

²⁶ Kế hoạch số 104/KH-SDL ngày 07/9/2026.

²⁷ Kế hoạch số 105/KH-SDL ngày 07/9/2026.

²⁸ Công văn số 3135/SDL-TTHTKDL ngày 03/8/2026.

²⁹ Công văn số 3170/SDL-TTHTKDL ngày 04/8/2026.

a) Tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch số 09-KH/BCĐ ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy

Sở Du lịch ban hành Kế hoạch số 38/KH-SDL ngày 01/4/2026 về triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ; kế hoạch đề ra 18 mục tiêu, chỉ tiêu và 38 nhiệm vụ.

Kết quả thực hiện đến tháng 9/2026:

- *Chỉ tiêu:* Hoàn thành 02 chỉ tiêu, chưa hoàn thành 05 chỉ tiêu, chưa ghi nhận kết quả 11 chỉ tiêu.

- *Nhiệm vụ:* Hoàn thành 18 nhiệm vụ (trong đó, có 02 nhiệm vụ hoàn thành trễ hạn), 11 nhiệm vụ chưa ghi nhận kết quả và 09 nhiệm vụ chưa hoàn thành.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

b) Tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh, Sở Du lịch đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ. Kế hoạch đề ra 15 chỉ tiêu; 25 nhiệm vụ, giải pháp và 05 nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số năm 2026.

Kết quả ghi nhận đến tháng 9/2026:

- *Chỉ tiêu:* Hoàn thành 04 chỉ tiêu, 09 chỉ tiêu chưa ghi nhận kết quả, 01 chỉ tiêu đang thực hiện trễ hạn (đề xuất phê duyệt hồ sơ bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ), 01 chỉ tiêu chưa thực hiện (Phấn đấu bố trí tỷ lệ công chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo cơ quan hướng tới tối thiểu đạt tỷ lệ theo quy định).

- *Nhiệm vụ:* đã hoàn thành 16/25 nhiệm vụ; chưa ghi nhận kết quả: 04/25 nhiệm vụ; đang thực hiện: 05/25 nhiệm vụ (trong đó có 01 nhiệm vụ trễ hạn³⁰).

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

c) Tình hình triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch nâng cao Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) tỉnh An Giang năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 03/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Du lịch ban hành Kế hoạch số 17/KH-SDL ngày 06/02/2026 về nâng cao Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) của Sở Du lịch tỉnh An Giang năm 2026. Kế hoạch đề ra 06 nhiệm vụ kèm theo giải pháp thực hiện.

Đến thời điểm báo cáo, Sở Du lịch đã hoàn thành bố trí 03 công chức phụ trách để phục vụ triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số theo vị trí việc làm đã được phê duyệt. Cụ thể: 01 công chức chuyên môn về công nghệ thông tin³¹, 01 công chức

³⁰ Chậm triển khai xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn thông tin (Theo Tờ trình số 361/TTr-CAT-PA05 ngày 26/6/2026 của Công an tỉnh),

³¹ Quyết định số 225/QĐ-SDL ngày 21/5/2026 (Lưu Bích Tuyền).

chuyên môn về hệ thống thông tin³² và 01 công chức chuyên môn về ngôn ngữ Anh³³. Tuy nhiên, chỉ có 02/03 công chức có trình độ chuyên môn phù hợp³⁴, đáp ứng điều kiện đảm nhận vị trí việc làm chuyên trách về chuyển đổi số theo quy định.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, chưa ghi nhận hồ sơ, tài liệu hoặc kết quả thể hiện việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định đối với hệ thống mạng nội bộ của Sở Du lịch.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

d) Bộ chỉ số theo dõi, giám sát, đánh giá việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW

Định kỳ hàng tháng, Sở Du lịch báo cáo kết quả thực hiện các chỉ số giám sát, đánh giá triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1739/UBND-KGVX ngày 12/5/2026³⁵.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Về rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Sở Du lịch thường xuyên rà soát các cơ chế, chính sách, quy định có liên quan đến chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; chủ động phối hợp, tham gia góp ý, đề xuất hoàn thiện các văn bản thuộc phạm vi quản lý, góp phần tạo hành lang pháp lý thúc đẩy chuyển đổi số ngành du lịch, cụ thể như sau: (1) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND ngày 11/3/2026 quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh An Giang. Tuy nhiên, Sở Du lịch rà soát, nghiên cứu tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh theo nội dung đề nghị của Sở Nội vụ về điều chỉnh nội dung tại Điều 23 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND ngày 11/3/2026³⁶; (2) Tham mưu ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 16//2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý một số hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh An Giang³⁷; (3) Tham mưu ban hành Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của Hội đồng nhân dân về bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch tỉnh An Giang; (4) Liên quan đến việc thay thế Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan tại Khu du lịch Núi Cấm, theo kết luận cuộc họp ngày 08/7/2026 tại Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan đăng ký, chủ trì xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh trong lĩnh vực văn hóa trình UBND tỉnh, trong đó có nội dung đăng ký thay thế Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND, Sở Du lịch thực hiện phối hợp, tham gia theo chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của cơ quan chủ trì; (5) Giải trình và đề xuất phương án xử lý đối với Đề án “Xây dựng Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo

³² Quyết định số 226/QĐ-SDL ngày 21/5/2026 (Võ Thị Yếm).

³³ Quyết định số 227/QĐ-SDL ngày 21/5/2026 (Nguyễn Thị Hoàng Cúc).

³⁴ Công nghệ thông tin và hệ thống thông tin.

³⁵ Báo cáo số: 254/BC-SDL ngày 15/6/2026, 300/BC-SDL ngày 15/7/2026, 327/BC-SDL ngày 14/8/2026.

³⁶ Công văn số 9321/VP-KGVX ngày 25/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

³⁷ Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 30/06/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

tầm cỡ quốc gia và quốc tế”³⁸; (6) Ban hành kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực du lịch, ngoại vụ³⁹.

Thực hiện rà soát, chuẩn hóa và từng bước số hóa quy trình, hồ sơ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực du lịch; thực hiện theo các quy định về giao dịch điện tử, tạo thuận lợi cho việc quản lý, khai thác và cung cấp dịch vụ trên môi trường số.

Về thực hiện chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ: Trên cơ sở vị trí việc làm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt⁴⁰, Sở Du lịch ban hành Quyết định phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đối với 03 công chức (trong đó có 02 công chức có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin⁴¹, hệ thống thông tin⁴²; 01 công chức có trình độ ngôn ngữ Anh⁴³). Ngày 26/08/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3935/QĐ-UBND phê duyệt danh sách và kinh phí chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên trách về công nghệ thông tin - chuyển đổi số theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh (Lần 1). Trong đó, Sở Du lịch có 02 công chức có trình độ chuyên môn đảm bảo điều kiện theo quy định.

2. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thực hiện Giấy mời số 204/GM-SKHCN ngày 31/7/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về viết tham luận phục vụ Hội thảo khoa học cấp tỉnh “Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - động lực đột phá phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh An Giang”, Sở Du lịch tham gia viết bài tham luận và tham dự Hội thảo với chủ đề: *“Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực du lịch biển - đảo phục vụ phát triển kinh tế biển tỉnh An Giang”*.

Triển khai Kế hoạch số 481/KH-UBND ngày 24/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Du lịch ban hành Kế hoạch số 105/KH-SDL ngày 07/9/2026 triển khai thực hiện Đề án đột phá ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2030 trong lĩnh vực du lịch. Kế hoạch đề ra 03 giải pháp trọng tâm: giải pháp ngắn hạn thực hiện các chỉ tiêu chiến lược về phát triển khu vực dịch vụ giá trị gia tăng cao; giải pháp thúc đẩy và thu hút đầu tư phát triển; giải pháp về dữ liệu. Mục tiêu đến năm 2030, 100% điểm du lịch được tích hợp mã QR, số hóa thông tin điểm đến, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, từng bước chuẩn hóa, cập nhật và khai thác dữ liệu du lịch.

Triển khai Kế hoạch số 501/KH-UBND ngày 26/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Du lịch ban hành Kế hoạch số 104/KH-SDL ngày 07/9/2026 triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ giai đoạn 2026 – 2030. Kế hoạch đề ra 07 nhiệm vụ,

³⁸ Báo cáo số 294/BC-SDL ngày 07/7/2026.

³⁹ Kế hoạch số 44/KH-SDL ngày 22/4/2026.

⁴⁰ Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 05/5/2026.

⁴¹ Quyết định số 225/QĐ-SDL ngày 21/5/2026

⁴² Quyết định số 226/QĐ-SDL ngày 21/5/2026

⁴³ Quyết định số 227/QĐ-SDL ngày 21/5/2026

giải pháp thực hiện cụ thể về KHCN và ĐMST như sau: tuyên truyền, nâng cao nhận thức; hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển; huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước; phát triển hạ tầng; xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực; tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển; hợp tác và hội nhập quốc tế.

3. Chuyển đổi số

a) Hạ tầng số

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 14328/VP-KGVX ngày 21/7/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Du lịch đề nghị Công ty Cổ phần IGB bổ sung, làm rõ hồ sơ đề xuất hỗ trợ, tài trợ nền tảng ứng dụng phần mềm số Du lịch thông minh⁴⁴. Ngày 04/9/2026, Sở Du lịch nhận được Công văn số 0703/IGB-DLTM của Công ty Cổ phần IGB về việc bổ sung, làm rõ các nội dung theo yêu cầu tại Công văn số 3355/SDL-TTHTKDL ngày 13/8/2026 của Sở Du lịch. Hiện nay, Sở Du lịch đang nghiên cứu, rà soát nội dung hồ sơ do Công ty Cổ phần IGB cung cấp để tổng hợp, tham mưu theo quy định.

Tiếp tục quản lý, vận hành và khai thác một số hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước, quảng bá, xúc tiến du lịch và cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp, cụ thể: Cổng thông tin tích hợp du lịch⁴⁵; Trang Thông tin điện tử của Sở Du lịch⁴⁶.

Tiếp tục vận hành, khai thác hiệu quả Nền tảng “*Quản trị và Kinh doanh du lịch*”; thực hiện cập nhật, kết nối, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Về cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Kết quả thống kê du lịch tháng 9/2026: tỉnh An Giang ước đón 1.892.580 lượt khách đến tham quan, du lịch (tăng 12,3% so với cùng kỳ), trong đó ước đón 208.985 lượt khách quốc tế (tăng 80,8% so với cùng kỳ); Tổng thu từ du lịch ước đạt 5.320 tỷ đồng (tăng 48,5% so với cùng kỳ). Riêng Đặc khu Phú Quốc ước đón 751.632 lượt khách (tăng 34,4% so với cùng kỳ); trong đó, ước đón 208.447 lượt khách quốc tế (tăng 85,2% so với cùng kỳ); tổng thu từ du lịch ước đạt 4.271 tỷ đồng (tăng 49,1% so với cùng kỳ).

Kết quả thống kê du lịch 09 tháng đầu năm 2026: tỉnh An Giang ước đón 23.480.606 lượt khách (tăng 18% so với cùng kỳ, đạt 93,9% kế hoạch năm); trong đó, ước đón 1.940.618 lượt khách quốc tế (tăng 56,6% so với cùng kỳ, đạt 91,5% kế hoạch năm). Tổng thu từ du lịch ước đạt 57.922 tỷ đồng (tăng 38,2% so với cùng kỳ, đạt 82,7% kế hoạch năm). Riêng Đặc khu Phú Quốc ước đón 8.573.435 lượt khách (tăng 30,5% so với cùng kỳ, vượt 0,9% kế hoạch năm); trong đó, ước đón 1.922.976 lượt khách quốc tế (tăng 60,2% so với cùng kỳ, đạt 95,4% kế hoạch năm); tổng thu từ du lịch ước đạt 45.976 tỷ đồng (tăng 47,7% so với cùng kỳ, vượt

⁴⁴ Công văn số 3355/SDL-TTHTKDL ngày 13/8/2026.

⁴⁵ Địa chỉ truy cập: <https://dulich.angiang.gov.vn>

⁴⁶ Địa chỉ truy cập: <https://sdl.angiang.gov.vn>

1,0% kế hoạch năm).

Kết quả thống kê du lịch Quý III năm 2026: tỉnh An Giang ước đón 6.834.328 lượt khách (tăng 20,4% so với cùng kỳ); trong đó, ước đón 600.168 lượt khách quốc tế (tăng 81,9% so với cùng kỳ). Tổng thu từ du lịch ước đạt 18.640 tỷ đồng (tăng 46,9% so với cùng kỳ). Riêng Đặc khu Phú Quốc ước đón 2.797.765 lượt khách (tăng 31,1% so với cùng kỳ); trong đó, ước đón 597.078 lượt khách quốc tế (tăng 87,4% so với cùng kỳ); tổng thu từ du lịch ước đạt 14.469 tỷ đồng (tăng 51,5% so với cùng kỳ).

- *Cơ sở dữ liệu về hoạt động lữ hành:* Toàn tỉnh hiện có 143 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành được cấp phép⁴⁷.

- *Cơ sở dữ liệu về hướng dẫn viên:* tổng số thẻ hướng dẫn viên được cấp đang hoạt động là 659 thẻ⁴⁸.

- *Cơ sở dữ liệu về cơ sở lưu trú:* Tổng số cơ sở lưu trú trong tỉnh hiện có là 1.162 cơ sở (38.812 phòng)⁴⁹.

- *Cơ sở dữ liệu về cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác:* Toàn tỉnh, có 9 cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

Tiếp tục rà soát, cập nhật và khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu theo quy định; tăng cường chia sẻ, kết nối dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh phục vụ công tác quản lý nhà nước.

c) Bảo đảm an toàn thông tin mạng

Đến thời điểm báo cáo, hệ thống mạng nội bộ của Sở Du lịch chưa được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định.

Tuy nhiên, Sở vẫn chủ động triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình vận hành; đến nay chưa ghi nhận sự cố mất an toàn thông tin hoặc trường hợp lộ, lọt dữ liệu.

d) Chính quyền số

Sở Du lịch có 28 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý⁵⁰ (trong đó có 02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh); 100% TTHC được niêm yết công khai theo quy định. Sở Du lịch chỉ đạo các phòng chuyên môn đẩy mạnh tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trả kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa theo quy định. Sở thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các phòng chuyên môn kiểm tra tình trạng xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời rà soát, xử lý các trường

⁴⁷ 67 doanh nghiệp lữ hành quốc tế; 51 doanh nghiệp lữ hành nội địa; 25 Chi nhánh, Văn phòng đại diện.

⁴⁸ 200 thẻ quốc tế, 423 thẻ nội địa, 36 thẻ tại điền.

⁴⁹ 1 sao: 09 cơ sở (186 phòng); 2 sao: 8 cơ sở (306 phòng); 3 sao: 7 cơ sở (493 phòng); 4 sao: 10 cơ sở (2.611 phòng); 5 sao: 21 cơ sở (10.844 phòng); khách sạn, nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch có 474 cơ sở (13.200 phòng).

⁵⁰ 16 TTHC thuộc lĩnh vực du lịch; 06 TTHC thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch khác; 02 TTHC thuộc lĩnh vực Hội nghị, hội thảo quốc tế; 04 TTHC thuộc lĩnh vực Thông tin, báo chí nước ngoài tại Việt Nam.

hợp hồ sơ chậm chuyển, chưa đồng bộ trạng thái hoặc có sai lệch về thời gian xử lý, góp phần bảo đảm tiến độ, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đến tháng 9/2026, đã tiếp nhận, giải quyết 97 hồ sơ thuộc lĩnh vực du lịch; đồng thời triển khai thực hiện các thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính theo quy định.

đ) Kinh tế số và xã hội số

Sở Du lịch ban hành Kế hoạch số 100/KH-SDL ngày 27/8/2026 để triển khai thực hiện Kế hoạch số 425/KH-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ. Kế hoạch đề ra 06 mục tiêu, chỉ tiêu (trong đó gồm 04 chỉ tiêu kinh tế số, 01 chỉ tiêu xã hội số, 01 chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực) và 15 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thực hiện đến 2030.

Phối hợp triển khai các nhiệm vụ về phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026 theo đề nghị của cơ quan chủ trì nhiệm vụ tại Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 13/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tình hình triển khai thực hiện các dự án chuyển đổi số

a) Về chủ trương giao nhiệm vụ năm 2026

Tại STT 73, 74, 75 và 93, Mục A, Phụ lục V ban hành kèm theo Công văn số 3698/UBND-KGVX ngày 14/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh⁵¹, Sở Du lịch được giao chủ trì triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 từ nguồn vốn sự nghiệp, cụ thể như sau:

- Triển khai Camera AI kiểm soát vào, ra tại khu du lịch (STT 73) với dự toán kinh phí là 4.940.000.000 đồng.
- Chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông quảng bá du lịch (STT 74) với dự toán kinh phí là 363.000.000 đồng.
- Số hóa dữ liệu trong lĩnh vực du lịch (STT 75) với dự toán kinh phí là 299.000.000 đồng.
- Nâng cấp Trang thông tin điện tử (STT 93): Sở Du lịch được bố trí kinh phí thực hiện là 95.402.906 đồng.

Tổng kinh phí của 04 nhiệm vụ: 5.697.402.906 đồng.

b) Tình hình phân bổ kinh phí

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 phân bổ kinh phí thực hiện 04 nhiệm vụ chuyển đổi số của Sở Du lịch với tổng kinh phí là **5.697.402.906 đồng**.

c) Tiến độ triển khai các nhiệm vụ từ nguồn kinh phí chuyển đổi số năm 2026 đã được phân bổ

⁵¹ Về việc điều chỉnh Phụ lục ban hành kèm theo Công văn số 2078/UBND-KGVX ngày 08/6/2026.

- *Triển khai Camera AI kiểm soát vào, ra tại Khu du lịch:*

Ngày 04/8/2026, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án⁵², gồm 04 gói thầu: (1) Tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật; (2) Tư vấn quản lý dự án; (3) Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế - kỹ thuật; (4) Tư vấn thẩm định giá. Ngày 14/8/2026, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu chỉ định thầu rút gọn đối với 04 gói thầu nêu trên⁵³.

- *Chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông quảng bá du lịch:* (1) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu⁵⁴; (2) Hoàn thành khảo sát, thu thập thông tin và ghi nhận hình ảnh, tư liệu phục vụ triển khai nhiệm vụ⁵⁵; (3) Gửi dự thảo hợp đồng gói thầu đến nhà thầu dự kiến⁵⁶; (4) Mời nhà thầu (Viettel An Giang - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) đến thương thảo, hoàn thiện hợp đồng gói thầu⁵⁷; (5) Phê duyệt và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định⁵⁸.

- *Số hóa dữ liệu trong lĩnh vực du lịch:* (1) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu⁵⁹; (2) Hoàn thành triển khai thu thập, tiếp nhận, rà soát và chuẩn hóa dữ liệu phục vụ triển khai nhiệm vụ⁶⁰; (3) Gửi dự thảo hợp đồng gói thầu đến nhà thầu dự kiến⁶¹; (4) Mời nhà thầu (Viettel An Giang - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) đến thương thảo, hoàn thiện hợp đồng gói thầu⁶²; (5) Phê duyệt và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định⁶³.

- *Nâng cấp Trang thông tin điện tử:* (1) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu⁶⁴; (2) Gửi dự thảo hợp đồng gói thầu đến nhà thầu dự kiến⁶⁵; (3) Mời nhà thầu đến thương thảo, hoàn thiện hợp đồng gói thầu⁶⁶; (4) Phê duyệt và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu⁶⁷; (5) Ngày 03/9/2026, ký hợp đồng thuê dịch vụ với nhà thầu MobiFone An Giang - Chi nhánh Tổng công ty Viễn thông MobiFone, giá hợp đồng là 95.000.000 đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng), thời gian thực hiện hợp đồng là 30 ngày (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực).

d) Tình hình sử dụng kinh phí

- *Triển khai Camera AI kiểm soát vào, ra tại Khu du lịch:* 0 đồng.

- *Chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông quảng bá du lịch:* 48.333.572

⁵² Quyết định số 417/QĐ-SDL ngày 04/8/2026.

⁵³ Quyết định số 434/QĐ-SDL ngày 14/8/2026, Quyết định số 435/QĐ-SDL ngày 14/8/2026, Quyết định số 436/QĐ-SDL ngày 14/8/2026, Quyết định số 437/QĐ-SDL ngày 14/8/2026.

⁵⁴ Quyết định số 389/QĐ-SDL ngày 27/7/2026.

⁵⁵ Kế hoạch số 77/KH-SDL ngày 16/7/2026.

⁵⁶ Công văn số 3681/SDL-TTHTKDL ngày 07/9/2026.

⁵⁷ Giấy mời số 72/GM-SDL ngày 09/9/2026.

⁵⁸ Quyết định số 497/QĐ-SDL ngày 14/9/2026, Thông báo số 67/TB-SDL ngày 14/9/2026.

⁵⁹ Quyết định số 391/QĐ-SDL ngày 27/7/2026.

⁶⁰ Kế hoạch số 78/KH-SDL ngày 16/7/2026.

⁶¹ Công văn số 3682/SDL-TTHTKDL ngày 07/9/2026.

⁶² Giấy mời số 71/GM-SDL ngày 09/9/2026.

⁶³ Quyết định số 496/QĐ-SDL ngày 14/9/2026, Thông báo số 66/TB-SDL ngày 14/9/2026.

⁶⁴ Quyết định số 390/QĐ-SDL ngày 27/7/2026.

⁶⁵ Công văn số 3259/SDL-TTHTKDL ngày 10/8/2026.

⁶⁶ Giấy mời số 64/GM-SDL ngày 24/8/2026, Biên bản số 15/BB-SDL ngày 27/8/2026.

⁶⁷ Quyết định số 459/QĐ-SDL ngày 28/8/2026, Thông báo số 64/TB-SDL ngày 28/8/2026.

đồng (Sở Du lịch triển khai khảo sát, thu thập thông tin và ghi nhận hình ảnh, tư liệu phục vụ triển khai nhiệm vụ). Dự kiến ký hợp đồng với giá 276.480.000 đồng (theo đề xuất của nhà thầu dự kiến, giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

- *Số hóa dữ liệu trong lĩnh vực du lịch*: 30.144.000 đồng (Sở Du lịch triển khai thu thập, tiếp nhận, rà soát và chuẩn hóa dữ liệu phục vụ triển khai nhiệm vụ). Dự kiến ký hợp đồng với giá 232.200.000 đồng (theo đề xuất của nhà thầu dự kiến, giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

- *Nâng cấp Trang thông tin điện tử*: 0 đồng.

5. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương và của tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên Trang thông tin điện tử của Sở Du lịch, tập trung tại chuyên mục “*Thông tin tuyên truyền*”, nhằm kịp thời cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và người dân về vai trò của KHCN, ĐMST và CDS trong phát triển ngành du lịch.

Trong kỳ báo cáo, công tác tuyên truyền, truyền thông được triển khai với nhiều hình thức và sản phẩm cụ thể, gồm:

- Thiết kế, đăng tải các banner, hình ảnh tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử với các chủ đề về KHCN, ĐMST và CDS; trong đó có banner với chủ đề “*Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - Động lực chính của mô hình tăng trưởng mới*”, góp phần tạo sự quan tâm, nâng cao nhận thức và lan tỏa thông tin đến cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Xây dựng, biên tập và đăng tải các tin, bài tuyên truyền về hoạt động KHCN, ĐMST và CDS của tỉnh, tiêu biểu như bài viết “*An Giang: tổ chức Chương trình tư vấn chuyển đổi số cho các xã, phường, đặc khu*”; qua đó giới thiệu các chủ trương, chương trình, giải pháp và kết quả triển khai chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Tham dự, đưa tin và xây dựng nội dung truyền thông về các hội thảo, hội nghị chuyên đề liên quan đến KHCN, ĐMST và CDS, gồm: Hội thảo “*Giải pháp số thúc đẩy đô thị thông minh và chuyển đổi số tại tỉnh An Giang*”; Hội thảo “*Nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) năm 2026*”; Hội thảo khoa học cấp tỉnh với chủ đề “*Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo – động lực đột phá phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh An Giang*”.

- Triển khai Bộ khẩu hiệu truyền thông về dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An⁶⁸; xây dựng banner “*Số hóa hồ sơ - Tái sử dụng dữ liệu - Nâng cao chất lượng phục vụ*” và infographic “*Dịch vụ công trực tuyến - Mọi lúc, mọi nơi*” để tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử.

- Tuyên truyền thông tin về Hội thi tuyên truyền cải cách hành chính với chủ đề “*Tìm kiếm sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2026*”

⁶⁸ Công văn số 17040/VP-HCC ngày 21/8/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

tỉnh An Giang, góp phần khuyến khích công chức tham gia đề xuất sáng kiến, giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Đăng tải, cập nhật các nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số và cải cách hành chính thông qua chuyên mục “*Dân hỏi - Chính quyền trả lời*”, thường xuyên theo dõi các kỳ phát sóng, cập nhật nội dung và đường dẫn đến kênh YouTube để người dân, doanh nghiệp thuận tiện theo dõi, tiếp cận thông tin chính thống.

- Xây dựng các sản phẩm truyền thông điện tử, gồm tin, bài, banner, infographic, hình ảnh minh họa, đường dẫn video và các nội dung trực quan khác, phục vụ tuyên truyền về KHCN, ĐMST và CDS; đồng thời tăng cường cập nhật, làm mới nội dung trên Trang thông tin điện tử của Sở nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền chuyển đổi số trong các hoạt động, sự kiện của ngành du lịch, qua đó giới thiệu các chủ trương, định hướng và giải pháp ứng dụng KHCN, ĐMST và CDS trong quản lý nhà nước, xúc tiến quảng bá và phát triển du lịch.

- Duy trì việc theo dõi, tổng hợp và cập nhật thông tin tuyên truyền về các chương trình, kế hoạch, hoạt động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Trung ương và của tỉnh; kịp thời lựa chọn các nội dung phù hợp để biên tập, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở, góp phần tạo sự thống nhất về nhận thức và thúc đẩy tinh thần chủ động tham gia chuyển đổi số trong toàn ngành.

III. NHẬN XÉT CHUNG

1. Kết quả đạt được

Công tác triển khai các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CDS tiếp tục được lãnh đạo Sở Du lịch quan tâm, chỉ đạo thực hiện và từng bước đi vào nền nếp. Các chủ trương, định hướng và nhiệm vụ của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh được Sở kịp thời quán triệt, cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân công thực hiện, theo dõi tiến độ, đôn đốc và tổng hợp báo cáo được duy trì, góp phần bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai theo yêu cầu.

Việc lồng ghép KHCN, ĐMST và CDS vào thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Sở ngày càng được chú trọng, tập trung vào ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành, khai thác và sử dụng dữ liệu, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và hỗ trợ phát triển ngành du lịch. Công tác rà soát, cập nhật, chuẩn hóa và từng bước khai thác dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được thực hiện, tạo tiền đề cho việc kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Công tác tuyên truyền, truyền thông từng bước được đa dạng hóa về nội dung và hình thức, không chỉ tập trung vào tin, bài mà còn phát triển các sản phẩm trực quan như banner, hình ảnh, infographic, video, đường dẫn chương trình phát sóng và các nội dung truyền thông điện tử; góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hoạt động

quản lý nhà nước và phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

2. Khó khăn, vướng mắc

a) Hạn chế, điểm nghẽn

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CDS tại Sở Du lịch còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- *Khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, kiểm tra:* Việc khai thác dữ liệu điện tử trong kiểm tra, đánh giá điều kiện thực tế của các cơ sở kinh doanh du lịch còn hạn chế, do một số nội dung, tiêu chí cần được kiểm tra, đối chiếu trực tiếp tại cơ sở. Bên cạnh đó, nền tảng “Quản trị và Kinh doanh du lịch” đã được triển khai nhưng mức độ tham gia, cập nhật và khai thác của các doanh nghiệp chưa cao, dẫn đến dữ liệu trên hệ thống chưa được bổ sung đầy đủ, thường xuyên.

- *Kết nối, đồng bộ quy trình trên các hệ thống:* Một số quy trình và thời gian xử lý hồ sơ trên hệ thống của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa hoàn toàn đồng bộ với quy định, quy trình thực hiện của tỉnh, dẫn đến tình trạng hồ sơ chuyển chậm, dữ liệu chưa đồng bộ hoặc trạng thái hồ sơ hiển thị chưa phù hợp với thực tế xử lý.

- *Công tác tổ chức thực hiện tại các phòng chuyên môn:* Nhận thức và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS giữa các phòng chuyên môn chưa đồng đều. Vai trò của người đứng đầu một số phòng trong công tác chỉ đạo, phân công, đôn đốc và theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ chưa được phát huy đầy đủ, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng triển khai một số nhiệm vụ được giao.

- *Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành:* Tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn chậm.

- *Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin:* Hồ sơ xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin của Sở Du lịch đang được triển khai thực hiện; tuy nhiên, tiến độ rà soát, hoàn thiện hồ sơ còn chậm so với kế hoạch, cần tiếp tục tập trung thực hiện và phối hợp với các đơn vị liên quan để hoàn thành theo quy định.

- *Kinh phí duy trì hoạt động của Trang thông tin điện tử:* Việc bố trí, cân đối nguồn kinh phí hoạt động của Trang thông tin điện tử chưa kịp thời, phần nào ảnh hưởng đến việc thực hiện chi trả nhuận bút cho cộng tác viên và thù lao cho Ban Biên tập.

b) Nguyên nhân của những hạn chế

Nguyên nhân của những điểm nghẽn nêu trên chủ yếu như sau:

- Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tại một số phòng chuyên môn chưa thật sự quyết liệt; công tác cung cấp, rà soát dữ liệu phục vụ chuẩn hóa, làm sạch có thời điểm chưa thường xuyên, còn thiếu chủ động. Việc gán trách nhiệm của người đứng đầu phòng với tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao chưa được thực hiện đầy đủ.

- Công tác tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực chuyên môn về KHCN, ĐMST và CDS của một bộ phận công chức chưa đồng đều, trong

khi đây là lĩnh vực có nhiều yêu cầu mới, đòi hỏi sự kết hợp giữa nghiệp vụ chuyên ngành, dữ liệu và công nghệ.

- Đối với kinh phí duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử, công tác tham mưu, đề xuất phương án cân đối, bố trí nguồn kinh phí có thời điểm chưa kịp thời, dẫn đến kinh phí duy trì hoạt động chưa được bảo đảm.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Sở Du lịch kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ quan tâm hỗ trợ, hướng dẫn một số nội dung sau:

a) Hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn trong quá trình xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch và khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; hỗ trợ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống, nền tảng dùng chung của tỉnh.

b) Hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn về kỹ thuật và liên thông hệ thống, nhất là việc đồng bộ quy trình, trạng thái hồ sơ và dữ liệu giữa các hệ thống của Trung ương và của tỉnh, bảo đảm việc khai thác, sử dụng hệ thống thuận lợi, hiệu quả.

c) Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về KHCN, ĐMST và CDS, quản trị và khai thác dữ liệu, sử dụng các nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin, phù hợp với nhu cầu thực tế của các cơ quan, đơn vị.

d) Quan tâm hướng dẫn về cơ chế, nguồn lực và các giải pháp hỗ trợ nhằm duy trì, vận hành và phát huy hiệu quả các hệ thống, nền tảng số, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính nghiên cứu, hướng dẫn phương án tháo gỡ khó khăn về nguồn kinh phí duy trì, vận hành Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, bảo đảm hoạt động thông tin, tuyên truyền được duy trì thường xuyên, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trong lĩnh vực du lịch, ngoại vụ 09 tháng đầu năm 2026, Sở Du lịch gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Công chức phòng TTHTKDL;
- Lưu: VT, lbtuyen.

GIÁM ĐỐC

Bùi Quốc Thái